

Số: 4942/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

SỞ CÔNG THƯƠNG VÀ HẠCH ÁN	
ĐẾN	Số: 167
	Ngày: 11/01/19
Chuyển: Phong	QLNL
Lưu hồ sơ số:	Căn cứ

đề nghị duyệt bổ sung Quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ tỉnh Lai Châu

**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ các Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 43/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương Quy định về quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện;

Xét đề nghị của UBND tỉnh Lai Châu tại các văn bản:

- Văn bản số 1893/UBND-CN ngày 23 tháng 11 năm 2018 về việc đề nghị bổ sung quy hoạch các Dự án thủy điện Nậm Xe 2 và Nậm Xe 2A, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu;

- Văn bản số 1680/UBND-CN ngày 24 tháng 10 năm 2018 về việc đề nghị bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện Nậm Ngệ 1A và Nậm Pạc 1A, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu;

- Văn bản số 1439/UBND-CN ngày 19 tháng 9 năm 2018 về việc đề nghị bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện Hua Be, huyện Tân Yên, tỉnh Lai Châu;

- Văn bản số 2037/UBND-CN ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc đề nghị bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện Nậm Páng 2, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu;

- Văn bản số 2070/UBND-CN ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc đề nghị bổ sung quy hoạch các Dự án thủy điện Nậm Pi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu;

- Văn bản số 1980/UBND-CN ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc đề nghị bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện Nậm Lùm 3, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu;



- Các Văn bản số 1799/UBND-CN ngày 14 tháng 11 năm 2018 và số 2073/UBND-CN ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc đề nghị bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện Hua Chăng 2, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu;

- Văn bản số 1886/UBND-CN ngày 23 tháng 11 năm 2018 về việc đề nghị bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện Nậm Mít Luông, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu;

- Các Văn bản số 1202/UBND-CN ngày 09 tháng 8 năm 2018 và số 2036/UBND-CN ngày 14 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu đã nhất trí chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất thuộc quy hoạch rừng phòng hộ đối với các DATĐ vừa và nhỏ;

Trên cơ sở Báo cáo bổ sung quy hoạch các Dự án thủy điện do cơ quan Tư vấn chuyên ngành lập theo quy định gồm:

- Các DATĐ Nậm Xe 2 và Nậm Xe 2A do Công ty CP Tư vấn và Đầu tư năng lượng GRECO lập tháng 12 năm 2018;

- DATĐ Nậm Nghệ 1A do Công ty Cổ phần Tư vấn và Chuyển giao công nghệ Hà Nội lập tháng 11 năm 2018;

- DATĐ Nậm Pạc 1A do Công ty Cổ phần Tư vấn năng lượng sạch lập tháng 9 năm 2018;

- DATĐ Hua Be do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng CENCO lập tháng 12 năm 2018;

- DATĐ Nậm Páng 2 do Công ty Cổ phần Tư vấn và Chuyển giao công nghệ Hà Nội lập tháng 11 năm 2018;

- DATĐ Nậm Pì do Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Việt lập tháng 12 năm 2018;

- DATĐ Nậm Lụm 3 do Công ty Cổ phần Tư vấn năng lượng sạch lập năm 2018;

- Báo cáo bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện Hua Chăng 2 do Công ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng Việt Hưng lập năm 2018;

- Báo cáo bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện Mường Kim 3 do Công ty Cổ phần Tư vấn năng lượng sạch lập năm 2018;

- Báo cáo bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện Nậm Mít Luông do Công ty Cổ phần Tư vấn khảo sát thiết kế và xây dựng năng lượng lập năm 2018;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt bổ sung các Dự án thủy điện: Nậm Xe 2, Nậm Xe 2A, Nậm Nghệ 1A, Nậm Pạc 1A, Hua Be, Nậm Páng 2, Nậm Pì, Nậm Lụm 3, Hua Chăng 2, Mường Kim 3 và Nậm Mít Luông vào Quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ

tỉnh Lai Châu. Vị trí xây dựng công trình, nhiệm vụ, sơ đồ khai thác và các thông số chính của các Dự án thủy điện được bổ sung tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Việc đầu tư xây dựng các Dự án thủy điện tại Điều 1 của Quyết định này phải đảm bảo phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch: Phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng đất, sử dụng tài nguyên, phát triển điện lực. Đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về xây dựng, tài nguyên nước, bảo vệ và phát triển rừng và các quy định có liên quan khác.

**Điều 3.** Trong giai đoạn nghiên cứu đầu tư xây dựng công trình các Dự án thủy điện nêu trên, UBND tỉnh Lai Châu chỉ đạo Chủ đầu tư, đơn vị Tư vấn và các cơ quan có liên quan thực hiện các nội dung sau:

- Hoàn thiện điều tra, khảo sát bổ sung, đánh giá đầy đủ các điều kiện tự nhiên khu vực dự án (địa hình, địa chất, khí tượng, thủy văn, dân sinh, kinh tế - xã hội...);

- Tiếp tục nghiên cứu chuẩn xác quy mô mực nước dâng bình thường (MNDBT), mực nước chết (MNC), công suất lắp máy ( $N_{lm}$ ), điện lượng trung bình năm ( $E_0$ ) và phương án thiết kế các hạng mục công trình có liên quan nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, đảm bảo công trình vận hành an toàn ổn định và giảm thiểu tác động đối với môi trường - xã hội;

- Đánh giá kỹ và thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động của dự án đối với môi trường - xã hội. Trong đó, phải lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đề thực hiện các phương án về: Trồng rừng thay thế, đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu phía hạ lưu đập. Công tác bồi thường, hỗ trợ, di dân, tái định cư phải được thực hiện phù hợp với phong tục tập quán của đồng bào các dân tộc tại địa phương. Đảm bảo xả đủ cho cấp nước thủy lợi và sinh hoạt theo quy định;

- Rà soát, đánh giá kỹ quy hoạch đất rừng các loại và hiện trạng đất rừng của tỉnh, trên cơ sở đó xác định chính xác diện tích chiếm đất các loại của các dự án thủy điện nêu trên để thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền;

- Trước khi quyết định chủ trương đầu tư, đề nghị rà soát kỹ diện tích chiếm đất trồng lúa của các Dự án để trình cấp có thẩm quyền xem xét cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định;

- Trong quá trình đầu tư xây dựng, vận hành khai thác các nhà máy thủy điện phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liền kề phía thượng và hạ lưu, không ảnh hưởng đến các công trình công cộng, di tích lịch sử, văn hóa và các quy hoạch khác có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Thực hiện các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo Luật Xây dựng, các Nghị định của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng;

- Tiến độ thực hiện các Dự án phải phù hợp với tiến độ xây dựng lưới điện truyền tải trong khu vực.

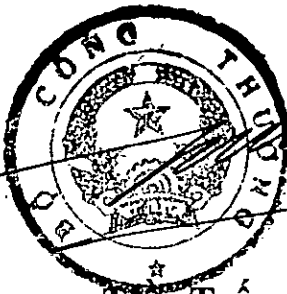
**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu, Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Lai Châu, Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Chủ đầu tư các dự án và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 5;
- Thứ trưởng Hoàng Quốc Vượng;
- Lưu: VT, ĐL.

**BỘ TRƯỞNG**



*[Handwritten signature]*

**Trần Tuấn Anh**

**Phụ lục: Thông số chính của các Dự án thủy điện được bổ sung vào Quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ tỉnh Lai Châu**

(Ban hành theo Quyết định số: 4942/QĐ-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

Tên Dự án	Vị trí xây dựng công trình			Nhiệm vụ	Sơ đồ khai thác	Các thông số chính
	Tọa độ (dự kiến)	Sông, suối - hệ thống sông	Xã - Huyện			
1. Thủy điện Nậm Xe 2	+ Tuyến đập: 22°30'43" VĐB - 103°24'44" KĐĐ. + Tuyến nhà máy: 22°31'2,28" VĐB - 103°22'51" KĐĐ	Suối Nậm Pát (phụ lưu cấp 1 của suối Nậm So) và suối Nậm So (phụ lưu suối Nậm Ban)	Các xã Nậm Xe và Mường So, huyện Phong Thổ	Phát điện lên lưới điện Quốc gia	Đập dâng nối tiếp hai bờ, công xả cát, đập tràn tự do giữa lòng suối Nậm Pát và tuyến năng lượng bố trí bên bờ trái gồm cửa lấy nước, tuyến đường ống áp lực, tuyến hầm dẫn nước, nhà máy thủy điện kiểu hở xả nước tại suối Nậm So	$F_{lv} = 174 \text{ km}^2$ MNDBT = 361,5 m MNC = 361 m MNHL <sub>min</sub> = 318,7 m N <sub>lm</sub> = 8 MW E <sub>o</sub> = 27,483 triệu KWh
2. Thủy điện Nậm Xe 2A	+ Tuyến đập: 22°31'3,59" VĐB - 103°22'48" KĐĐ. + Tuyến nhà máy: 22°31'20,5" VĐB - 103°20'49,3" KĐĐ	Suối Nậm So (phụ lưu suối Nậm Ban)	Xã Mường So, huyện Phong Thổ	Phát điện lên lưới điện Quốc gia	Đập dâng nối tiếp hai bờ, công xả cát, đập tràn tự do giữa lòng nhánh suối Nậm So (hạ lưu nhà máy thủy điện Nậm Xe 2 và Nậm So 2) và tuyến năng lượng bố trí bên bờ trái suối Nậm So gồm cửa lấy nước, tuyến hầm dẫn nước, nhà máy thủy điện kiểu hở xả nước tại suối Nậm So.	$F_{lv} = 344,4 \text{ km}^2$ MNDBT = 318,5 m MNHL <sub>min</sub> = 290,94 m N <sub>lm</sub> = 10 MW E <sub>o</sub> = 35,097 triệu KWh

Tên Dự án	Vị trí xây dựng công trình			Nhiệm vụ	Sơ đồ khai thác	Các thông số chính
	Tọa độ (dự kiến)	Sông, suối - hệ thống sông	Xã - Huyện			
3. Thủy điện Nậm Ngệ 1A	+ Tuyến đập: 22°25'41,48" VĐB - 103°57'40,37" KĐĐ. + Tuyến nhà máy: 22°25'1,81" VĐB - 103°57'14,5" KĐĐ	Suối Nậm Ngệ	Xã Hua Bum, huyện Nậm Nhùn	Phát điện lên lưới điện Quốc gia	Đập dâng nối tiếp hai bờ, cống xả cát, đập tràn tự do giữa lòng suối Nậm Ngệ và tuyến năng lượng bố trí bên bờ phải suối Nậm Ngệ gồm cửa lấy nước, tuyến kênh kết hợp hầm dẫn nước, bể áp lực, đường ống áp lực, nhà máy thủy điện kiểu hở xả nước tại suối Nậm Ngệ.	$F_{lv} = 20,4 \text{ km}^2$ MNDBT = 1090 m MNC = 1085,5 m MNHL <sub>min</sub> = 895 m N <sub>lm</sub> = 6,6 MW E <sub>o</sub> = 23,132 triệu KWh
4. Thủy điện Nậm Pạc 1A	+ Tuyến đập số 1: 22°31'04,1" VĐB - 103°33'20,6" KĐĐ. + Tuyến đập số 2: 22°30'15" VĐB - 103°33'10,1" KĐĐ. + Tuyến nhà máy: 22°30'53,7" VĐB - 103°31'26,2" KĐĐ.	Suối Tung Qua Lìn và suối Dền Sung	Xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ	Phát điện lên lưới điện Quốc gia	Tuyến đập số 1 (lấy nước kiểu Chi Rôn) trên suối Tung Qua Lìn dẫn nước bằng kênh dẫn bên bờ trái vào bể áp lực; tuyến đập số 2 (lấy nước kiểu Chi Rôn) trên suối Dền Sung dẫn nước bằng kênh dẫn bên bờ phải vào bể áp lực, tuyến năng lượng (bể áp lực, cửa lấy nước, đường ống áp lực) bên bờ phải suối Dền Sung (giữa 2 suối nêu trên) và nhà máy thủy điện kiểu hở xả nước tại suối Dền Sung.	$F_{lv1} = 7,7 \text{ km}^2$ MNDBT <sub>1</sub> = 1.319 m $F_{lv2} = 10,7 \text{ km}^2$ MNDBT <sub>2</sub> = 1.318,8 m MNHL <sub>min</sub> = 960,21 m N <sub>lm</sub> = 6,2 MW E <sub>o</sub> = 25 triệu KWh

Tên Dự án	Vị trí xây dựng công trình			Nhiệm vụ	Sơ đồ khai thác	Các thông số chính
	Tọa độ (dự kiến)	Sông, suối - hệ thống sông	Xã - Huyện			
5. Thủy điện Hua Be	+ Tuyến đập số 1: 22°14'33" VĐB - 103°47'40" KĐĐ. + Tuyến đập số 2: 22°14'45" VĐB - 103°47'21" KĐĐ. + Tuyến nhà máy: 22°13'50" VĐB - 103°46'15" KĐĐ.	Suối Nậm Be (phụ lưu sông Nậm Mu) và suối nhánh của suối Nậm Be	Xã Phúc Khoa và thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	Phát điện lên lưới điện Quốc gia	Tuyến đập số 1 (lấy nước kiểu Chi Rôn) trên suối Nậm Be dẫn nước bằng đường hầm bên bờ phải đến tuyến đập 2; tuyến đập số 2 (lấy nước kiểu Chi Rôn) trên suối nhánh của suối Nậm Be; tuyến năng lượng bố trí bên bờ phải suối gồm cửa lấy nước, đường hầm dẫn nước và nhà máy thủy điện kiểu hở xả nước tại suối Nậm Be.	$F_{Iv1} = 21,02 \text{ km}^2$ $MNDBT_1 = 1.115 \text{ m}$ $F_{Iv2} = 14,78 \text{ km}^2$ $MNDBT_2 = 1.115 \text{ m}$ $MNHL_{max} = 857,59 \text{ m}$ $MNHL_{min} = 855,2 \text{ m}$ $N_{lm} = 10 \text{ MW}$ $E_o = 34,12 \text{ triệu KWh}$
6. Thủy điện Nậm Páng 2	+ Tuyến đập: 22°24'53,49" VĐB - 103°04'30,38" KĐĐ. + Tuyến nhà máy: 22°24'03,66" VĐB - 103°05'50,93" KĐĐ.	Suối Nậm Páng (phụ lưu của suối Nậm Ban) và suối Nậm Ban (phụ lưu của sông Nậm Na)	các xã Nậm Ban và Trung Chải, huyện Nậm Nhùn	Phát điện lên lưới điện Quốc gia	Đập dâng nối tiếp hai bờ, cống xả cát, đập tràn tự do giữa lòng suối Nậm Páng và tuyến năng lượng bố trí bên bờ trái suối Nậm Páng gồm cửa lấy nước, tuyến kênh kết hợp hầm dẫn nước, đường ống áp lực, nhà máy thủy điện kiểu hở xả nước tại suối Nậm Ban	$F_{Iv} = 20,7 \text{ km}^2$ $MNDBT = 880 \text{ m}$ $MNC = 874,5 \text{ m}$ $MNHL_{min} = 640 \text{ m}$ $N_{lm} = 8,6 \text{ MW}$ $E_o = 30,45 \text{ triệu KWh}$

Tên Dự án	Vị trí xây dựng công trình			Nhiệm vụ	Sơ đồ khai thác	Các thông số chính
	Tọa độ (dự kiến)	Sông, suối - hệ thống sông	Xã - Huyện			
7. Thủy điện Nậm Pi	+ Tuyến đập số 1: 22°10'46" VĐB - 103°07'28" KĐĐ. + Tuyến đập số 2: 22°11'52,4" VĐB - 103°07'40" KĐĐ. + Tuyến nhà máy: 22°11'43,3" VĐB; 103°09'1,8" KĐĐ.	Suối Nậm Khao (phụ lưu của suối Nậm Long), suối Nậm Long (thượng nguồn của suối Nậm Pi - hệ thống sông Nậm Na) và sông Nậm Na	Các xã Nậm Pi và Pú Đao, huyện Nậm Nhùn	Phát điện lên lưới điện Quốc gia	Tuyến đập số 1 (lấy nước kiểu Chi Rôn) trên suối Nậm Khao đường hầm bên bờ trái đến hồ chứa tuyến đập 2; tuyến đập số 2 trên suối Nậm Long; tuyến năng lượng bố trí bên bờ trái gồm cửa lấy nước, đường hầm dẫn nước, đường ống áp lực và nhà máy thủy điện kiểu hở xả nước tại sông Nậm Na	$F_{lv1} = 16,1 \text{ km}^2$ $MNDBT_1 = 500 \text{ m}$ $F_{lv2} = 26,2 \text{ km}^2$ $MNDBT_2 = 415 \text{ m}$ $MNHL_{\min} = 215 \text{ m}$ $N_{lm} = 9 \text{ MW}$ $E_o = 30,73 \text{ triệu KWh}$
8. Thủy điện Nậm Lụm 3	+ Tuyến đập số 1: 22°35'26,2" VĐB - 103°22'57" KĐĐ. + Tuyến đập số 2: 22°35'09,27" VĐB - 103°22'59,5" KĐĐ. + Tuyến nhà máy: 22°34'14,5" VĐB - 103°22'06,6" KĐĐ.	Suối Nậm Lụm và suối Nậm Lon (nhánh của suối Nậm Lụm)	Xã Bàn Lang, huyện Phong Thổ	Phát điện lên lưới điện Quốc gia	Tuyến đập số 1 trên suối Nậm Lụm (đập dâng nối tiếp hai bờ và tràn tự do giữa lòng suối) dẫn nước bằng kênh bên bờ trái đến hồ chứa tuyến đập 2; tuyến đập số 2 (lấy nước kiểu Chi Rôn) trên suối Nậm Lon; tuyến năng lượng bố trí bên bờ trái suối và nhà máy thủy điện kiểu hở xả nước tại suối Nậm Lụm	$F_{lv1} = 102,3 \text{ km}^2$ $MNDBT_1 = 475,2 \text{ m}$ $MNC_1 = 400,13 \text{ m}$ $F_{lv2} = 50,9 \text{ km}^2$ $MNDBT_2 = 475,2 \text{ m}$ $MNHL_{\min} = 395,4 \text{ m}$ $N_{lm} = 12 \text{ MW}$ $E_o = 40,55 \text{ triệu KWh}$



Tên Dự án	Vị trí xây dựng công trình			Nhiệm vụ	Sơ đồ khai thác	Các thông số chính
	Tọa độ (dự kiến)	Sông, suối - hệ thống sông	Xã - Huyện			
9. Thủy điện Hua Chăng 2	+ Tuyến đập: 22°10'47" VĐB - 103°47'23" KĐĐ. + Tuyến nhà máy: 22°10'14" VĐB - 103°45'56" KĐĐ	Suối Hua Chăng	Thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	Phát điện lên lưới điện Quốc gia	Đập dâng nối tiếp hai bờ và đập tràn trên suối Hua Chăng, tuyến năng lượng kiểu đường dẫn bên bờ trái suối Hua Chăng và nhà máy thủy điện kiểu hồ xả nước trở lại suối Hua Chăng	$F_{lv} = 37,5 \text{ km}^2$ $MNDBT = 753,2 \text{ m}$ $MNC = 747 \text{ m}$ $MNHL_{\min} = 591,31 \text{ m}$ $N_{lm} = 7 \text{ MW}$ $E_o = 22,28 \text{ triệu KWh}$
10. Thủy điện Mường Kim 3	+ Tuyến đập số 1: 21°52'50" VĐB - 103°52'22.36" KĐĐ. + Tuyến đập số 2: 21°53'0.3" VĐB - 103°52'08.36" KĐĐ. + Tuyến Nhà máy: 21°50'58.33" VĐB - 103°50'31.54" KĐĐ	Suối Nậm Kim và suối Nậm Bón	Xã Mường Kim, huyện Than Uyên	Phát điện lên lưới điện Quốc gia	Tuyến đập số 1 (lấy nước kiểu Chi Rôn) trên suối Nậm Kim (đập dâng nối tiếp hai bờ và tràn tự do kết hợp lấy nước giữa lòng suối) kênh đến hồ chứa tuyến đập 2; tuyến đập số 2 trên suối Nậm Bón gồm đập dâng nối tiếp hai bờ và tràn tự do; tuyến năng lượng kiểu đường dẫn bố trí bên bờ phải suối và nhà máy thủy điện kiểu hồ xả nước tại suối Nậm Kim.	$F_{lv1} = 433,8 \text{ km}^2$ $MNDBT_1 = 430,41 \text{ m}$ $F_{lv2} = 73,3 \text{ km}^2$ $MNDBT_2 = 429,9 \text{ m}$ $MNHL_{\min} = 370,15 \text{ m}$ $N_{lm} = 18,5 \text{ MW}$ $E_o = 57,39 \text{ triệu KWh}$



Tên Dự án	Vị trí xây dựng công trình			Nhiệm vụ	Sơ đồ khai thác	Các thông số chính
	Tọa độ (dự kiến)	Sông, suối - hệ thống sông	Xã - Huyện			
11. Thủy điện Nậm Mít Luông	+ Tuyến đập: 22°03'27'' VĐB 103°51'41'' KĐĐ. + Tuyến Nhà máy: 22°03'12'' VĐB 103°51'26'' KĐĐ.	Suối Nậm Mít Luông	Xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên	Phát điện lên lưới điện Quốc gia	Đập dâng kết hợp đập tràn xả lũ trên suối Nậm Mít Luông, tuyến năng lượng kiểu đường hầm dẫn nước bên bờ phải và nhà máy thủy điện kiểu hở xả nước trở lại suối Nậm Mít Luông	$F_{lv} = 136,7 \text{ km}^2$ MNDBT = 555 m MNC = 554 m $MNHL_{\min} = 513,5 \text{ m}$ $N_{lm} = 6,8 \text{ MW}$ $E_0 = 21,591 \text{ triệu KWh}$

**Ghi chú:**  $F_{lv}$ : Diện tích lưu vực tính đến tuyến đập;  $F_{lv1}$ : Diện tích lưu vực tính đến tuyến đập số 1;  $F_{lv2}$ : Diện tích lưu vực tính đến tuyến đập số 2; MNDBT: Mức nước dâng bình thường; MNDBT<sub>1</sub>: Mức nước dâng bình thường tuyến đập số 1; MNDBT<sub>2</sub>: Mức nước dâng bình thường tuyến đập số 2; MNC: Mức nước chết; MNC<sub>1</sub>: Mức nước chết tuyến đập số 1; MNC<sub>2</sub>: Mức nước chết tuyến đập số 2; MNHL<sub>min</sub>: Mức nước hạ lưu nhà máy nhỏ nhất;  $N_{lm}$ : Công suất lắp máy;  $E_0$ : Điện lượng bình quân năm.